

## **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

*(Ban hành theo Quyết định số 124/QĐ-CĐXD1 ngày 14 tháng 5 năm 2014  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 1)*

**Tên chương trình : Kinh tế Xây dựng**  
**Trình độ đào tạo : Cao đẳng**  
**Ngành đào tạo : Quản lý Xây dựng**  
**Mã ngành : 51580302**  
**Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo kỹ thuật viên trình độ Cao đẳng ngành Quản lý Xây dựng - chuyên ngành Kinh tế Xây dựng có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khoẻ, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn hợp lý về Kỹ thuật Xây dựng; Kinh tế Xây dựng để đáp ứng được các yêu cầu về nhân lực cho ngành xây dựng. Sau khi tốt nghiệp, kỹ thuật viên Kinh tế Xây dựng có thể làm việc tại các doanh nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng; các doanh nghiệp xây lắp; các Ban quản lý dự án; các doanh nghiệp khác (ngân hàng, kiểm toán) và các bộ phận quản lý chuyên môn thuộc cơ quan quản lý nhà nước các cấp theo quy định.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Yêu cầu về kiến thức**

- Trình bày được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước;
- Vận dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội để giải các bài toán liên quan đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành;
- Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương A2 (*theo quy định trình độ của Bộ Giáo dục & Đào tạo*)
- Đạt trình độ tin học B (*theo quy định trình độ của Bộ GD&ĐT*);
- Đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất.
- Vận dụng kiến thức ngành: Định mức - Đơn giá; Kỹ thuật thi công, Tổ chức thi công công trình xây dựng trong quá trình tiếp thu kiến thức chuyên sâu của ngành.
- Vận dụng kiến thức về dự án đầu tư xây dựng, lập và phân tích dự án đầu tư Xây dựng, quản lý dự án Xây dựng để giải quyết các vấn đề liên quan đến lập, phân tích và quản lý các dự án đầu tư xây dựng;

- Vận dụng kiến thức về lập dự toán công trình; nghiệp vụ đấu thầu xây lắp, hợp đồng và thanh toán đề tài nghiệp các vấn đề thực tế liên quan.

### **1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng**

- Đọc được các bản vẽ thiết kế, thi công cho công trình xây dựng dân dụng & công nghiệp;

- Đo bóc được khối lượng và lập dự toán công trình cho công trình xây dựng dân dụng & công nghiệp;

- Lập được hồ sơ dự thầu đối với gói thầu xây lắp;

- Lập và phân tích được các dự án đầu tư xây dựng nhóm C gồm các bước trong thuyết minh dự án như: Lập các phương án tài chính, đánh giá hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội và an toàn tài chính cho dự án;

- Quản lý được một số nội dung trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhóm C như: Quản lý chi phí trong các giai đoạn của dự án, quản lý khối lượng, tiến độ, hợp đồng xây dựng;

- Lập được hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng công trình;

- Lập được biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công các công trình dân dụng và công nghiệp cấp IV;

- Sử dụng được tin học ứng dụng trong công tác chuyên môn: Phần mềm dự toán, Autocad và Project.

- Kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, soạn thảo văn bản và làm việc theo nhóm;

- Sử dụng các phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel);

- Sử dụng Anh văn trong giao tiếp thông dụng, biết vận dụng vốn từ vựng chuyên ngành trong quá trình công tác.

### **1.2.3. Yêu cầu về thái độ**

- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân:

- Vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào lĩnh vực Kinh tế Xây dựng; cần cù chịu khó và sáng tạo, trách nhiệm trong nghề nghiệp; Hiểu và thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân đối với đất nước;

- Tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Làm việc khoa học, trung thực, tận tâm trong hoạt động nghề nghiệp;

- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: Không ngừng học tập nâng cao trình độ, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào công việc tiến bộ kỹ thuật mới vào công việc nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao.

#### 1.2.4. Vị trí việc làm

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong:

- Các doanh nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng như: Tư vấn thiết kế, tư vấn quản lý dự án, tư vấn đấu thầu;
- Các doanh nghiệp xây lắp tại các phòng chuyên môn và các tổ đội thi công;
- Các Ban quản lý dự án phù hợp với chuyên môn đào tạo;
- Các doanh nghiệp khác phù hợp với chuyên môn đào tạo như: Ngân hàng (cán bộ thẩm định dự án xây dựng), kiểm toán (phối hợp tham gia kiểm toán xây dựng);
- Các bộ phận quản lý chuyên môn thuộc cơ quan quản lý nhà nước các cấp theo quy định.

#### 2. Thời gian đào tạo: 3 năm

#### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 99 tín chỉ

*(không kể các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)*

#### 4. Đối tượng tuyển sinh:

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: *(theo quy định của trường)*

#### 6. Thang điểm: 10

#### 7. Nội dung chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Ghi chú
		Tổng	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, thực hành	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	25	20	5	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	74	32	42	
2.1	Kiến thức cơ sở	16	9	7	
2.2	Kiến thức ngành	32	16	16	
2.3	Kiến thức bổ trợ	12	7	5	
2.4	Thực tập tốt nghiệp	9	0	9	
2.5	Tốt nghiệp	5	0	5	
3	Tổng	99	52	47	

**Cụ thể:**

**7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 25 tín chỉ**

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<b>7.1.1. Lý luận chính trị</b>						
1	010101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin	5	4	1	Khoa LLCT
2	010102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
3	010103	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0	
<b>7.1.2. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên – Khoa học xã hội</b>						
<i>Bắt buộc</i>						
4	010104	Toán ứng dụng	3	2	1	Khoa Cơ bản
5	010105	Vật lý đại cương	2	1	1	
6	010106	Hoá học đại cương	2	2	0	
7	010107	Tin học cơ sở	1	0	1	TTHH
8	010108	Pháp luật đại cương	2	2	0	Khoa LLCT
<i>Tự chọn: chọn 1 trong 2 học phần</i>						
9.1	040102	Soạn thảo văn bản	2	2	0	Khoa KT-TC
9.2	010110	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0	Khoa LLCT
<b>7.1.3. Ngoại ngữ</b>						
10	010111	Anh văn giao tiếp	3	2	1	TTNN
<b>7.1.4. Giáo dục quốc phòng – Giáo dục thể chất</b>						
11	010112	Giáo dục thể chất	3			Khoa Cơ bản
12	010113	Giáo dục quốc phòng	8			

**7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 74 tín chỉ**

**7.2.1 Kiến thức cơ sở: 16 tín chỉ**

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
13	010201	Vẽ xây dựng 1	3	2	1	Khoa XD
14	010203	Cơ học công trình 1	4	2	2	

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
15	010202	Vật liệu Xây dựng 1	2	1	1	
16	010302	Kết cấu bê tông cốt thép 1	2	1	1	
17	030201	Quản trị học	2	1	1	Khoa KT-TC
18	010301	Cấu tạo kiến trúc	3	2	1	Khoa XD

7.2.2 Kiến thức ngành: 32 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành: 12 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
19	010306	Kỹ thuật thi công 1	3	2	1	
20	010316	Đồ án Kỹ thuật thi công	1	0	1	Khoa XD
21	030301	Định mức - Đơn giá xây dựng	2	1	1	Khoa QLXD
22	010309	Tổ chức thi công công trình xây dựng	3	2	1	
23	010317	Đồ án tổ chức thi công công trình xây dựng	1	0	1	Khoa XD
24	010402	Tin học ứng dụng Autocad	2	0	2	TTTH

7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (chuyên ngành) : 20 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<b>Bắt buộc: 16 tín chỉ</b>						
25	030302	Kinh tế và Quản trị kinh doanh xây dựng	2	1	1	
26	030303	Lập, phân tích dự án đầu tư xây dựng	3	2	1	Khoa QLXD
27	030304	Đồ án phân tích dự án đầu tư xây dựng	1	0	1	
28	030305	Quản lý dự án đầu tư xây dựng	2	1	1	
29	030306	Nghiệp vụ đấu thầu xây lắp	2	2	0	
30	030307	Đồ án đấu thầu xây lắp	1	0	1	
31	030308	Dự toán xây dựng	3	2	1	Khoa QLXD

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
32	030309	Dự toán máy	1	0	1	TTTH
33	010403	Tin học ứng dụng Project	1	0	1	
<i>Tự chọn: 4 tín chỉ (Chọn 2 trong 5 học phần)</i>						
34.1	010205	Trắc địa	2	1	1	Khoa XD
34.2	010308	An toàn lao động	2	2	0	
35.1	010303	Kết cấu thép	2	2	0	
35.2	030310	Cơ học đất và nền móng	2	2	0	
35.3	030311	Marketing căn bản	2	2	0	Khoa KT-TC

### 7.2.3 Kiến thức bổ trợ tự do: 12 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
36	030401	Kinh tế vi mô	2	1	1	Khoa KT-TC
37	010305	Máy Xây dựng	2	1	1	Khoa XD
38	010206	Cấp thoát nước và môi trường	2	1	1	Khoa CTN
39	010311	Pháp luật xây dựng	2	2	0	Khoa LLCT
40	010401	Anh văn kỹ thuật	2	1	1	TTNN
41	010207	Kỹ thuật điện công trình	2	1	1	Khoa XD

### 7.2.4 Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận/ đề án tốt nghiệp: 15 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<i>Thực tập: 10 tín chỉ</i>						
42	010501	Thực tập xây dựng cơ bản 1 (4tuần)	2	0	2	Khoa ĐTN
43	030501	Thực tập dự toán (2tuần)	2	0	2	Khoa QLXD
44	030502	Thực tập đấu thầu và thanh toán (tại trường) (4tuần)	2	0	2	
45	030503	Thực tập cán bộ kinh tế - kỹ thuật (tại doanh nghiệp) (8tuần)	3	0	3	

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<i>Tốt nghiệp: 5 tín chỉ</i>						
Nếu điểm trung bình học tập toàn khóa (chưa kể tốt nghiệp) $\geq 7,00$ thì làm đồ án						
46	030504	Đồ án tốt nghiệp	5			Khoa QLXD
Nếu điểm trung bình học tập toàn khóa (chưa kể tốt nghiệp) $< 7,00$ thì học các môn: <b><i>Ghi chú:</i></b> <i>trường hợp điểm trung bình toàn khóa (chưa kể tốt nghiệp) <math>\geq 7,00</math> nếu sinh viên không có nhu cầu làm đồ án thì phải đăng ký học thêm các môn thay thế.</i>						
46.1	010310	Thanh toán, quyết toán công trình	2	1	1	Khoa QLXD
46.2	030505	Hạch toán kế toán xây dựng	3	2	1	Khoa KT-TC

### 8. Kế hoạch giảng dạy (theo tiến trình đào tạo)

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình